

Số: **964/QĐ-BTP**

Hà Nội, ngày 06 tháng 6 năm 2023

QUYẾT ĐỊNH

**Ban hành Lịch công bố, phổ biến thông tin thống kê năm 2022
của Bộ Tư pháp**

BỘ TRƯỞNG BỘ TƯ PHÁP

Căn cứ Luật Thống kê ngày 23 tháng 11 năm 2015;

Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều và Phụ lục Danh mục chỉ tiêu thống kê quốc gia của Luật Thống kê ngày 12 tháng 11 năm 2021;

Căn cứ Nghị định số 94/2016/NĐ-CP ngày 01 tháng 7 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Thống kê;

Căn cứ Nghị định số 98/2022/NĐ-CP ngày 29 tháng 11 năm 2022 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Tư pháp;

Căn cứ Thông tư số 10/2017/TT-BTP ngày 26 tháng 12 năm 2017 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp quy định Hệ thống chỉ tiêu thống kê ngành Tư pháp;

Căn cứ Thông tư số 03/2019/TT-BTP ngày 20 tháng 3 năm 2019 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp quy định một số nội dung về hoạt động thống kê của ngành Tư pháp;

Theo đề nghị của Cục trưởng Cục Kế hoạch - Tài chính.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Lịch công bố, phổ biến thông tin thống kê năm 2022 của Bộ Tư pháp; thời gian công bố, phổ biến thông tin thống kê năm 2022 vào tháng 6 năm 2023.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Điều 3. Chánh Văn phòng, Cục trưởng Cục Kế hoạch - Tài chính, Thủ trưởng các đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Bộ trưởng (để báo cáo);
- Các Thứ trưởng (để biết);
- Tổng cục Thống kê (để theo dõi);
- Cổng thông tin điện tử Bộ Tư pháp (để đăng trên Công TTĐT của Bộ);
- Lưu: VT, Cục KHTC.

KT. BỘ TRƯỞNG
THỨ TRƯỞNG

Mai Lương Khôi



CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

**LỊCH CÔNG BỐ, PHỔ BIẾN THÔNG TIN THỐNG KÊ NĂM 2022
CỦA BỘ TƯ PHÁP**

(Ban hành kèm theo Quyết định số:964/QĐ-BTP ngày 06/6/2023 của Bộ Tư pháp)

Thời gian công bố: Tháng 6/2023

Hình thức phổ biến: Website của Bộ Tư pháp (www.moj.gov.vn)

- Thông tin tại mục I là số liệu thống kê từ ngày 01/01/2022 đến ngày 31/12/2022;
- Thông tin tại mục II:
- + Thông tin tại số thứ tự 1-2 là số liệu thống kê từ ngày 01/01/2022 đến ngày 31/12/2022
- + Thông tin tại số thứ tự 3 là số liệu thống kê từ ngày 01/10/2021 đến ngày 30/9/2022.

STT	Tên chỉ tiêu	Mức độ hoàn chỉnh của thông tin thống kê	Đơn vị thuộc Bộ chịu trách nhiệm chủ trì thu thập tổng hợp số liệu	Ghi chú
A	B	(1)	(2)	(3)
I	CÔNG BỐ, PHỔ BIẾN CÁC THÔNG TIN THỐNG KÊ THUỘC HỆ THỐNG CHỈ TIÊU THỐNG KÊ NGÀNH TƯ PHÁP			
1	Ban hành văn bản quy phạm pháp luật (VBQPPL)			
1.1	Số VBQPPL do các bộ, cơ quan ngang bộ chủ trì soạn thảo đã được ban hành (trình ban hành, ban hành theo thẩm quyền)	Chính thức	Cục Kế hoạch - Tài chính	
1.1.1	Số VBQPPL do các bộ, cơ quan ngang bộ chủ trì soạn thảo, trình ban hành và đã được ban hành			
1.1.1.1	Luật, Nghị quyết của Quốc hội			
1.1.1.2	Pháp lệnh, Nghị quyết của UBTVQH			
1.1.1.3	Nghị định của Chính phủ			
1.1.1.4	Quyết định của Thủ tướng Chính phủ			
1.1.2	Số VBQPPL do các bộ, cơ quan ngang bộ chủ trì soạn thảo, ban hành theo thẩm quyền và đã được ban hành			
1.1.2.1	Thông tư			
1.1.2.2	Thông tư liên tịch			
1.2	Số VBQPPL của HĐND, UBND các cấp đã được ban hành	Sơ bộ	Cục Kế hoạch - Tài chính	
1.2.1	Tại cấp tỉnh			
1.2.2	Tại cấp huyện			
1.2.3	Tại cấp xã			
2	Thẩm định VBQPPL			
2.1	Số dự thảo VBQPPL do tổ chức pháp chế bộ, ngành và Bộ Tư pháp thẩm định	Chính thức	Cục Kế hoạch - Tài chính	
2.1.1	Số dự thảo VBQPPL do các bộ, ngành thẩm định (chưa gồm Bộ Tư pháp)			
2.1.1.1	Thông tư			
2.1.1.2	Thông tư liên tịch			
2.1.2	Số dự thảo VBQPPL do Bộ Tư pháp thẩm định			
2.1.2.1	Luật, Nghị quyết của Quốc hội			
2.1.2.2	Pháp lệnh, Nghị quyết của UBTVQH			
2.1.2.3	Nghị định của Chính phủ			
2.1.2.4	Quyết định của Thủ tướng Chính phủ			
2.1.2.5	Thông tư			

STT	Tên chỉ tiêu	Mức độ hoàn chỉnh của thông tin thống kê	Đơn vị thuộc Bộ chịu trách nhiệm chủ trì thu thập tổng hợp số liệu	Ghi chú
A	B	(1)	(2)	(3)
2.1.2.6	Thông tư liên tịch			
2.2	Số dự thảo VBQPPL do các cơ quan tư pháp cấp tỉnh, huyện thẩm định	Sơ bộ	Cục Kế hoạch - Tài chính	
2.2.1	Số dự thảo VBQPPL do Sở Tư pháp đã thẩm định			
2.2.2	Số dự thảo VBQPPL do Phòng Tư pháp đã thẩm định			
3	Kiểm tra VBQPPL	Sơ bộ	Cục Kế hoạch - Tài chính	
3.1	Số VBQPPL do các bộ, cơ quan ngang bộ đã kiểm tra theo thẩm quyền			
3.2	Số VBQPPL do UBND cấp tỉnh, huyện đã kiểm tra theo thẩm quyền			
4	Rà soát VBQPPL	Sơ bộ	Cục Kế hoạch - Tài chính	
4.1	Kết quả rà soát VBQPPL tại các bộ, cơ quan ngang bộ			
4.1.1	Số VBQPPL phải được rà soát			
4.1.2	Số VBQPPL đã được rà soát			
4.1.3	Số VBQPPL cần được xử lý sau rà soát			
4.1.4	Số VBQPPL đã được xử lý			
4.2	Kết quả rà soát VBQPPL tại UBND các cấp			
4.2.1	Số VBQPPL phải được rà soát			
4.2.2	Số VBQPPL đã được rà soát			
4.2.3	Số VBQPPL cần được xử lý sau rà soát			
4.2.4	Số VBQPPL đã được xử lý			
5	Phổ biến giáo dục pháp luật			
5.1	Số báo cáo viên, tuyên truyền viên			
5.1.1	Số báo cáo viên pháp luật cấp Trung ương	Chính thức	Cục Kế hoạch - Tài chính	Đơn vị phối hợp: Vụ Phổ biến giáo dục pháp luật
5.1.2	Số báo cáo viên pháp luật cấp tỉnh	Sơ bộ	Cục Kế hoạch - Tài chính	
5.1.3	Số báo cáo viên pháp luật cấp huyện	Sơ bộ	Cục Kế hoạch - Tài chính	
5.1.4	Số tuyên truyền viên pháp luật cấp xã	Sơ bộ	Cục Kế hoạch - Tài chính	
5.2	Kết quả phổ biến, giáo dục pháp luật	Sơ bộ	Cục Kế hoạch - Tài chính	
5.2.1	Kết quả phổ biến, giáo dục pháp luật trực tiếp			
5.2.1.1	Số cuộc phổ biến pháp luật trực tiếp			
5.2.1.2	Số lượt người tham dự			
5.2.2	Kết quả thi tìm hiểu pháp luật			
5.2.2.1	Số cuộc thi tìm hiểu pháp luật			
5.2.2.2	Số lượt người dự thi			
5.2.3	Số tài liệu phổ biến giáo dục pháp luật được phát hành			

STT	Tên chỉ tiêu	Mức độ hoàn chỉnh của thông tin thống kê	Đơn vị thuộc Bộ chịu trách nhiệm chủ trì thu thập tổng hợp số liệu	Ghi chú
A	B	(1)	(2)	(3)
6	Hòa giải	Sơ bộ	Cục Kế hoạch - Tài chính	
6.1	Số tổ hòa giải, số hòa giải viên ở cơ sở			
6.1.1	Số tổ hòa giải ở cơ sở			
6.1.2	Số hòa giải viên			
6.2	Kết quả hòa giải ở cơ sở			
6.2.1	Số vụ việc tiếp nhận hòa giải			
6.2.2	Số vụ việc hòa giải thành			
6.3	Số xã, phường, thị trấn đạt chuẩn tiếp cận pháp luật			
6.3.1	Số xã đạt chuẩn tiếp cận pháp luật			
6.3.2	Số phường, thị trấn đạt chuẩn tiếp cận pháp luật			
7	Hộ tịch	Sơ bộ	Cục Kế hoạch - Tài chính	
7.1	Số trường hợp đăng ký khai sinh trong nước			
7.1.1	Đăng ký mới			
7.1.1.1	Đăng ký đúng hạn			
7.1.1.2	Đăng ký quá hạn			
	Trong đó: Số trẻ em dưới 5 tuổi được đăng ký khai sinh quá hạn trong năm báo cáo			
7.1.2	Đăng ký lại			
7.2	Số trường hợp đăng ký khai tử trong nước			
	Đăng ký lại			
7.3	Số trường hợp đăng ký khai sinh có yếu tố nước ngoài			
7.4	Số trường hợp đăng ký khai tử có yếu tố nước ngoài			
7.5	Số người kết hôn là công dân Việt Nam cư trú trong nước đăng ký kết hôn có yếu tố nước ngoài			
8	Nuôi con nuôi			
8.1	Số trường hợp đăng ký nuôi con nuôi trong nước	Sơ bộ	Cục Kế hoạch - Tài chính	
8.2	Số trường hợp đăng ký nuôi con nuôi có yếu tố nước ngoài	Chính thức	Cục Con nuôi	Đơn vị phối hợp: Cục Kế hoạch - Tài chính (Nguồn: Hồ sơ quản lý hành chính của Cục Con nuôi)
9	Quốc tịch	Chính thức	Cục Hộ tịch, quốc tịch, chứng thực	Đơn vị phối hợp: Cục Kế hoạch - Tài chính (Nguồn: Hồ sơ quản lý hành chính của Cục Hộ tịch, quốc tịch, chứng thực)
9.1	Số trường hợp xin thôi quốc tịch Việt Nam			
9.2	Số trường hợp xin nhập quốc tịch Việt Nam			
9.3	Số trường hợp xin trở lại quốc tịch Việt Nam			

STT	Tên chỉ tiêu	Mức độ hoàn chỉnh của thông tin thống kê	Đơn vị thuộc Bộ chịu trách nhiệm chủ trì thu thập tổng hợp số liệu	Ghi chú
A	B	(1)	(2)	(3)
10	Chứng thực	Sơ bộ	Cục Kế hoạch - Tài chính	
10.1	Số bản sao được chứng thực			
10.2	Chứng thực chữ ký, hợp đồng, giao dịch			
10.2.1	Số việc chứng thực chữ ký			
10.2.2	Số việc chứng thực hợp đồng, giao dịch			
11	Lý lịch tư pháp	Sơ bộ	Cục Kế hoạch - Tài chính	
11.1	Số phiếu lý lịch tư pháp đã cấp			
11.1.1	Số phiếu lý lịch tư pháp số 1 đã cấp			
11.1.2	Số phiếu lý lịch tư pháp số 2 đã cấp			
11.2	Số thông tin lý lịch tư pháp nhận được và xử lý			
11.2.1	Số lượng thông tin lý lịch tư pháp nhận được			
11.2.2	Số lượng thông tin lý lịch tư pháp chia theo khâu xử lý			
11.2.2.1	Số lượng thông tin lý lịch tư pháp tiếp nhận, kiểm tra, phân loại			
11.2.2.2	Số lượng thông tin lập lý lịch tư pháp, cập nhật bổ sung			
11.3	Số người có lý lịch tư pháp			
11.3.1	Số công dân Việt Nam có lý lịch tư pháp			
11.3.2	Số người nước ngoài có lý lịch tư pháp			
12	Trợ giúp pháp lý	Sơ bộ	Cục Kế hoạch - Tài chính	
12.1	Số vụ việc trợ giúp pháp lý thực hiện trong kỳ			
	Trong đó: Số vụ việc trợ giúp pháp lý tham gia tổ tụng thực hiện trong kỳ			
12.2	Số vụ việc trợ giúp pháp lý kết thúc			
	Trong đó: số vụ việc trợ giúp pháp lý tham gia tổ tụng kết thúc			
13	Đăng ký biện pháp bảo đảm			
13.1	Kết quả đăng ký, cung cấp thông tin về biện pháp bảo đảm, hợp đồng, thông báo kê biên tài sản là động sản (trừ tàu bay, tàu biển) và kết quả thông báo về việc thế chấp phương tiện giao thông	Chính thức	Cục Kế hoạch - Tài chính	Đơn vị phối hợp: Cục Đăng ký quốc gia giao dịch bảo đảm
13.1.1	Số phiếu đăng ký biện pháp bảo đảm, hợp đồng, thông báo kê biên được thụ lý			
13.1.2	Số phiếu đăng ký biện pháp bảo đảm, hợp đồng, thông báo kê biên được giải quyết			
13.1.3	Số phiếu cung cấp thông tin về biện pháp bảo đảm, hợp đồng, thông báo việc kê biên tài sản để thi hành án dân sự được thụ lý			
13.1.4	Số phiếu cung cấp thông tin về biện pháp bảo đảm, hợp đồng, thông báo việc kê biên tài sản để thi hành án dân sự được giải quyết			

STT	Tên chỉ tiêu	Mức độ hoàn chỉnh của thông tin thống kê	Đơn vị thuộc Bộ chịu trách nhiệm chủ trì thu thập tổng hợp số liệu	Ghi chú
A	B	(1)	(2)	(3)
13.1.5	Số phiếu yêu cầu thông báo về việc thể chấp phương tiện giao thông được thụ lý			
13.1.6	Số phiếu yêu cầu thông báo về việc thể chấp phương tiện giao thông được giải quyết			
13.2	<i>Kết quả đăng ký, cung cấp thông tin về biện pháp bảo đảm bằng quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất</i>	<i>Sơ bộ</i>	<i>Cục Kế hoạch - Tài chính</i>	
13.2.1	Số phiếu đăng ký biện pháp bảo đảm được thụ lý			
13.2.2	Số phiếu đăng ký biện pháp bảo đảm được giải quyết			
13.2.3	Số phiếu cung cấp thông tin về biện pháp bảo đảm được thụ lý			
13.2.4	Số phiếu cung cấp thông tin về biện pháp bảo đảm được giải quyết			
13.3	<i>Kết quả đăng ký, cung cấp thông tin về biện pháp bảo đảm đối với tàu bay, tàu biển</i>	<i>Sơ bộ</i>	<i>Cục Kế hoạch - Tài chính</i>	
13.3.1	Số phiếu đăng ký biện pháp bảo đảm được thụ lý			
13.3.2	Số phiếu đăng ký biện pháp bảo đảm được giải quyết			
13.3.3	Số phiếu cung cấp thông tin về biện pháp bảo đảm được thụ lý			
13.3.4	Số phiếu cung cấp thông tin về biện pháp bảo đảm được giải quyết			
14	Luật sư trong nước			
14.1	Số tổ chức hành nghề luật sư	Chính thức	Cục Kế hoạch - Tài chính	Đơn vị phối hợp: Cục Bổ trợ tư pháp
14.2	Số luật sư hành nghề	Chính thức	Cục Kế hoạch - Tài chính	Đơn vị phối hợp: Cục Bổ trợ tư pháp
14.3	Số việc thực hiện xong	Sơ bộ	Cục Kế hoạch - Tài chính	
	Trong đó:			
	Số việc tổ tụng			
	Số việc tư vấn pháp luật và dịch vụ pháp lý khác			
	Số việc trợ giúp pháp lý			
14.4	Số tiền nộp thuế	Sơ bộ	Cục Kế hoạch - Tài chính	
15	Công chứng			
15.1	Số tổ chức hành nghề công chứng	Chính thức	Cục Kế hoạch - Tài chính	Đơn vị phối hợp: Cục Bổ trợ tư pháp
15.2	Số công chứng viên	Chính thức	Cục Kế hoạch - Tài chính	Đơn vị phối hợp: Cục Bổ trợ tư pháp
15.3	Số việc công chứng	Sơ bộ	Cục Kế hoạch - Tài chính	

STT	Tên chỉ tiêu	Mức độ hoàn chỉnh của thông tin thống kê	Đơn vị thuộc Bộ chịu trách nhiệm chủ trì thu thập tổng hợp số liệu	Ghi chú
A	B	(1)	(2)	(3)
15.3.1	Công chứng hợp đồng, giao dịch			
15.3.2	Công chứng bản dịch và các loại việc khác			
16	Giám định tư pháp	Sơ bộ	Cục Kế hoạch - Tài chính	
16.1	Số vụ việc đã thực hiện giám định tư pháp			
16.1.1	Theo yêu cầu của cơ quan tiến hành tố tụng			
16.1.2	Theo yêu cầu của người yêu cầu giám định			
16.1.3	Theo yêu cầu của tổ chức, cá nhân khác			
17	Đấu giá tài sản	Sơ bộ	Cục Kế hoạch - Tài chính	
17.1	Số tổ chức đấu giá tài sản			
17.2	Số đấu giá viên			
17.3	Số cuộc đấu giá đã thực hiện			
	Trong đó: Số cuộc đấu giá thành			
17.4	Số tiền nộp ngân sách/thuế			
18	Trọng tài			
18.1	Số tổ chức trọng tài	Chính thức	Cục Kế hoạch - Tài chính	Đơn vị phối hợp: Cục Bỏ trợ tư pháp
18.2	Số trọng tài viên	Sơ bộ	Cục Kế hoạch - Tài chính	
18.3	Số vụ việc đã có phán quyết trọng tài và hòa giải thành	Sơ bộ	Cục Kế hoạch - Tài chính	
18.4	Số tiền đã nộp thuế và nghĩa vụ tài chính	Sơ bộ	Cục Kế hoạch - Tài chính	
19	Ủy thác tư pháp	Chính thức	Cục Kế hoạch - Tài chính	Đơn vị phối hợp: Vụ Pháp luật quốc tế
19.1	Số hồ sơ ủy thác tư pháp Việt Nam gửi ra nước ngoài			
19.2	Số hồ sơ ủy thác tư pháp nước ngoài đến Việt Nam			
20	Bồi thường nhà nước	Sơ bộ	Cục Bồi thường nhà nước	Đơn vị phối hợp: Cục Kế hoạch - Tài chính
20.1	<i>Trong hoạt động quản lý hành chính</i>			
20.1.1	Tình hình yêu cầu bồi thường, giải quyết bồi thường			
20.1.1.1	Số vụ việc đã thụ lý			
20.1.1.2	Số vụ đã có văn bản giải quyết bồi thường có hiệu lực pháp luật			
20.1.1.3	Số tiền bồi thường trong văn bản giải quyết bồi thường có hiệu lực pháp luật			
20.1.1.4	Số tiền đã chi trả cho người bị thiệt hại			
20.1.2	Tình hình thực hiện trách nhiệm hoàn trả			
20.1.2.1	Số vụ việc đã có quyết định hoàn trả			
20.1.2.2	Số tiền đã hoàn trả			
20.2	<i>Trong hoạt động tố tụng</i>			
20.2.1	Tình hình yêu cầu bồi thường, giải quyết bồi thường			
20.2.1.1	Số vụ việc đã thụ lý			

STT	Tên chỉ tiêu	Mức độ hoàn chỉnh của thông tin thống kê	Đơn vị thuộc Bộ chịu trách nhiệm chủ trì thu thập tổng hợp số liệu	Ghi chú
A	B	(1)	(2)	(3)
20.2.1.2	Số vụ đã có văn bản giải quyết bồi thường có hiệu lực pháp luật			
20.2.1.3	Số tiền bồi thường trong văn bản giải quyết bồi thường có hiệu lực pháp luật			
20.2.1.4	Số tiền đã chi trả cho người bị thiệt hại			
20.2.2	Tình hình thực hiện trách nhiệm hoàn trả			
20.2.2.1	Số vụ việc đã có quyết định hoàn trả			
20.2.2.2	Số tiền đã hoàn trả			
20.3	<i>Trong hoạt động thi hành án</i>			
20.3.1	<i>Tình hình yêu cầu bồi thường, giải quyết bồi thường</i>			
20.3.1.1	Số vụ việc đã thụ lý			
20.3.1.2	Số vụ đã có văn bản giải quyết bồi thường có hiệu lực pháp luật			
20.3.1.3	Số tiền bồi thường trong văn bản giải quyết bồi thường có hiệu lực pháp luật			
20.3.1.4	Số tiền đã chi trả cho người bị thiệt hại			
20.3.2	<i>Tình hình thực hiện trách nhiệm hoàn trả</i>			
20.3.2.1	Số vụ việc đã có quyết định hoàn trả			
20.3.2.2	Số tiền đã hoàn trả			
21	Pháp chế	Sơ bộ	Cục Kế hoạch - Tài chính	
21.1	<i>Tổ chức pháp chế</i>			
	Trong đó:			
21.1.1	Số cơ quan, doanh nghiệp nhà nước đã thành lập tổ chức pháp chế			
21.1.2	Số cơ quan, doanh nghiệp nhà nước không thành lập tổ chức pháp chế			
21.1.2.1	Số cơ quan, doanh nghiệp nhà nước không thành lập tổ chức pháp chế mà cử người làm công tác pháp chế chuyên trách			
21.1.2.2	Số cơ quan, doanh nghiệp nhà nước không thành lập tổ chức pháp chế, không cử người làm công tác pháp chế chuyên trách mà cử người làm công tác pháp chế kiêm nhiệm			
21.2	<i>Số người làm công tác pháp chế</i>			
21.2.1	Chuyên trách			
21.2.2	Kiểm nhiệm			
II	PHỔ BIẾN CÁC THÔNG TIN THỐNG KÊ TRONG HỆ THỐNG CHỈ TIÊU THỐNG KÊ QUỐC GIA THUỘC TRÁCH NHIỆM THU THẬP CỦA BỘ TƯ PHÁP, ĐÃ ĐƯỢC CẤP CÓ THẨM QUYỀN CÔNG BỐ THEO QUY ĐỊNH			
1	Hộ tịch	Sơ bộ	Cục Kế hoạch - Tài chính	
1.1	Số trường hợp đăng ký khai sinh trong nước			
	Số trẻ em dưới 5 tuổi đã được đăng ký khai sinh trong năm báo cáo			
1.2	Số trường hợp đăng ký khai tử trong nước			
1.2.1	Đăng ký mới			
1.2.2	Đăng ký đúng hạn			
1.2.3	Đăng ký quá hạn			
1.3	Số cuộc đăng ký kết hôn trong nước			
1.3.1	Đăng ký mới			

STT	Tên chỉ tiêu	Mức độ hoàn chỉnh của thông tin thống kê	Đơn vị thuộc Bộ chịu trách nhiệm chủ trì thu thập tổng hợp số liệu	Ghi chú
A	B	(1)	(2)	(3)
1.3.2	Đăng ký lại			
2	Trợ giúp pháp lý	Sơ bộ	Cục Kế hoạch - Tài chính	
	Số lượt người đã được trợ giúp pháp lý			
3	Thi hành án dân sự	Chính thức	Tổng cục Thi hành án dân sự	Đơn vị phối hợp: Cục Kế hoạch - Tài chính
3.1	<i>Kết quả thi hành án dân sự về việc</i>			
3.1.1	Tổng số việc phải thi hành			
3.1.2	Tỷ lệ số việc có điều kiện thi hành/tổng số việc phải thi hành			
3.1.3	Tỷ lệ số việc chưa có điều kiện thi hành/tổng số việc phải thi hành			
3.1.4	Tỷ lệ số việc thi hành xong/số việc có điều kiện thi hành			
3.1.5	Số việc còn lại chuyển sang năm sau			
3.2	<i>Kết quả thi hành án dân sự về tiền</i>			
3.2.1	Tổng số tiền phải thi hành			
3.2.2	Tỷ lệ số tiền có điều kiện thi hành/tổng số tiền phải thi hành			
3.2.3	Tỷ lệ số tiền chưa có điều kiện thi hành/tổng số tiền phải thi hành			
3.2.4	Tỷ lệ số tiền thi hành xong/số tiền có điều kiện thi hành			
3.2.5	Số tiền còn lại chuyển sang năm sau./.			